

LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 10/11/2022. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023. Theo đó, Luật được ban hành với những nội dung cơ bản như sau:

I. BỐ CỤC VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở gồm 06 chương, 91 điều, gồm các nội dung cơ bản như sau:

- Chương 1: Những quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10). Chương này quy định về những vấn đề chung trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm: Phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc thực hiện, phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền và nghĩa vụ của công dân; quyền thụ hưởng của công dân; các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Chương 2: Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm 35 điều (từ Điều 11 đến Điều 45). Chương này quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, bao gồm công khai thông tin ở cấp xã; Nhân dân bàn, quyết định; Nhân dân tham gia ý kiến; Nhân dân kiểm tra, giám sát.

- Chương 3: Thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị, gồm 18 điều (từ Điều 46 đến Điều 63). Chương này quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị, bao gồm công khai thông tin trong cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát.

- Chương 4: Thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động, gồm 19 điều (từ Điều 64 đến Điều 82). Chương này quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp, bao gồm quy định về thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước (Công khai thông tin; người lao động ở doanh nghiệp nhà nước bàn và quyết định; người lao động ở doanh nghiệp nhà nước tham gia ý kiến; người lao động ở doanh nghiệp nhà nước kiểm tra, giám sát) và thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài nhà nước.

- Chương 5: Tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm 07 điều (từ Điều 83 đến Điều 89). Chương này quy định trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; trách nhiệm của Công đoàn Việt Nam các cấp và trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Chương 6. Điều khoản thi hành gồm 02 điều (từ Điều 90 đến Điều 91). Chương này quy định về hiệu lực thi hành; áp dụng pháp luật và quy định chuyển tiếp.

2. Phạm vi điều chỉnh của Luật

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phạm vi “cơ sở” được xác định là xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (gọi chung là cơ quan, đơn vị); doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động (gọi chung là doanh nghiệp), là nơi trực tiếp công khai thông tin, tổ chức lấy ý kiến, thực hiện các quyết định và chịu sự kiểm tra, giám sát của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động năm 2019 về điều kiện lao động và quan hệ lao động (trong đó quy định về thực hiện dân chủ tại nơi làm việc), Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 có những nội dung, chính sách mới cơ bản sau:

1. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 bao gồm 91 điều quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

Điểm mới của mục này, gồm:

Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền thụ hưởng của công dân về thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nghĩa vụ kịp thời phản ánh, kiến nghị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Quy định phạm vi thực hiện dân chủ đối với từng loại hình cơ sở;

Quy định hình thức chế tài xử lý vi phạm đối với từng nhóm chủ thể và hành vi vi phạm.

2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 cụ thể hóa đầy đủ phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”

- Những nội dung công khai để Nhân dân biết: Các quy định liên quan đến nội dung và hình thức công khai thông tin để dân biết ở tất cả các loại hình cơ sở theo hướng cập nhật, bổ sung các quy định tương ứng trong các luật chuyên ngành như: Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản pháp luật liên quan; bổ sung những quy định cụ thể khác nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác công khai thông tin. Cụ thể, bổ sung quy định lựa chọn hình thức công khai thông tin (Điều 13); trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc công khai thông tin (Điều 14); bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu và của cơ quan, đơn vị trong việc công khai thông tin (Điều 48); bổ sung quy định về thời gian công khai (Điều 65); quy định về trách nhiệm của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động trong việc công khai thông tin (Điều 66).

- Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định:

Ở cộng đồng dân cư: Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định những nội dung quy định tại Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 bằng một trong các hình thức sau:

Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố với thành phần tham dự gồm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố (Điều 18);

Phát phiếu biểu quyết, lấy ý kiến tới từng hộ gia đình (Điều 19);

Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức toàn thể cử tri trên địa bàn, quyết định về một số nội dung cụ thể thì thực hiện theo quy định đó (Điều 17). Về tỷ lệ đồng thuận để quyết định của cộng đồng dân cư có hiệu lực thi hành, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã phân định rõ một số trường hợp quyết định của cộng đồng dân cư (nhất là các quyết định liên quan đến các khoản đóng góp...) được thông qua khi có 2/3 trở lên hoặc trên 50% tổng số hộ gia đình tán thành để tăng tính đồng thuận trong cộng đồng dân cư, bảo đảm hiệu lực thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư có khả năng thực hiện trên thực tế (Điều 21).

Tại cơ quan, đơn vị và tại tổ chức có sử dụng lao động: Bổ sung quy định cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được bàn và quyết định trong thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị (Điều 49) và các nội dung người lao động bàn, quyết định trong thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động (Điều 67). Các nội dung này được bàn và quyết định tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc hội nghị người lao động. Trường hợp không thể tổ chức hội nghị thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị, sau khi đã thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị, quyết định việc gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị hoặc người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động quyết định việc gửi phiếu

lấy ý kiến của toàn thể người lao động trong tổ chức sau khi đã thống nhất với ban đại diện của tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở (Điều 68).

- Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến: Các quy định liên quan đến nội dung và hình thức Nhân dân tham gia ý kiến ở tất cả các loại hình cơ sở phù hợp với các luật chuyên ngành có liên quan; đồng thời bổ sung các quy định về trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, tập thể Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong việc tổ chức thực hiện đề Nhân dân tham gia ý kiến (Điều 28), trách nhiệm tham gia của Nhân dân (Điều 29); trách nhiệm của người đứng đầu của công đoàn cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc tích cực tham gia ý kiến (Điều 55); việc tổ chức đối thoại tại nơi làm việc (Điều 73); trách nhiệm của tổ chức có sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của đảng viên, công đoàn viên, người lao động trong việc tích cực tham gia ý kiến (Điều 74).

- Những nội dung Nhân dân kiểm tra, giám sát: Nội dung, hình thức Nhân dân kiểm tra, giám sát để phát huy được sự tham gia và vai trò của từng người dân trong việc kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, phát huy dân chủ, tăng tính phản biện và sức sáng tạo của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Theo đó, người dân kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đối với các nội dung mà Nhân dân đã bàn, quyết định và thực hiện giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Điều 30), của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị (Điều 56) và của tổ chức có sử dụng lao động, người đại diện có thẩm quyền, ban lãnh đạo, điều hành và những người có thẩm quyền khác của tổ chức có sử dụng lao động (Điều 75). Công dân có thể trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động lao động, sản xuất, học tập, làm việc, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động... hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (ở xã, phường, thị trấn); thông qua hoạt động của các thiết chế đại diện (đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân), qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội mà mình là thành viên cũng như các tổ chức tự quản khác tại cơ sở (các Điều 31, Điều 57, Điều 76).

- Những nội dung người dân thụ hưởng: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, người dân được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan; được thông tin đầy đủ về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định (nếu có) của chính quyền địa phương mà mình được hưởng; được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội và sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương và ở cộng đồng

dân cư nơi sinh sống; thành quả đổi mới, phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động nơi làm việc; được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

3. Cơ chế bảo đảm việc thực hiện dân chủ ở cơ sở

Thế chế hóa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội “làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ”, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận Tổ quốc ở thôn, tổ dân phố, vai trò, trách nhiệm của công đoàn, tổ chức đại diện người lao động ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong từng việc, từng bước, từng khâu thực hiện dân chủ một cách thống nhất, xuyên suốt (các Điều 23, Điều 28, Điều 40, Điều 45, Điều 52, Điều 55, Điều 63, Điều 70, Điều 78, Điều 82); bổ sung các quy định về trách nhiệm của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 24, Điều 29); quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9) và việc xử lý vi phạm pháp luật trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 10) nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Việc thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn có một số điểm mới như:

(i) Mở rộng phạm vi công khai thông tin ở cấp xã phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật hiện hành; (ii) Đa dạng hóa hình thức công khai thông tin ở cấp xã, bổ sung một số hình thức mới như đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử; thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật, thông qua mạng xã hội...; (iii) Mở rộng dân chủ trực tiếp tại cấp xã theo hướng bổ sung các vấn đề Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; quy định về sáng kiến đề xuất của Nhân dân; (iv) Quy định về hình thức văn bản của cộng đồng dân cư, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản của cộng đồng dân cư; thay đổi thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã; (v) Bổ sung quy định về trách nhiệm lấy ý kiến Nhân dân, ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trong quá trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành các quyết định hành chính liên quan đến lợi ích của cộng đồng hoặc quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ, làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành; (vi) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục Nhân dân kiểm tra và Nhân dân giám sát.

Việc thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị có một số điểm mới như: (i) Bổ sung các hình thức công khai thông tin, lấy ý kiến thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ, đăng trên cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị; (ii) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra và giám sát; (iii) Bổ sung hình thức giám sát thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp có một số điểm mới như: (i) Bổ sung nội dung người lao động được quyết định mức đóng các loại quỹ xã hội, từ thiện tại doanh nghiệp ; (ii) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục người lao động kiểm tra và người lao động giám sát; (iii) Bổ sung một số nội dung hiện đang được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (hình thức quyết định, kiểm tra, giám sát; một số nội dung người lao động được kiểm tra, giám sát,...).

- Về trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở có một số điểm mới như: (i) Quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; (ii) Quy định cụ thể trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; (iii) Quy định kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị là căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá và xếp loại chất lượng đảng viên đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị; (iv) Quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và chế độ báo cáo về thực hiện dân chủ ở cơ sở; (v) Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; (vi) Quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nói riêng; trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội và trách nhiệm của tổ chức Công đoàn trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong Luật, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, nhằm khắc phục hạn chế của các Ban này trước đây và phát huy tốt vị trí, vai trò của các Ban này trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

CHUYÊN ĐỀ: NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ THỰC HIỆN VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG

1. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định 06 nguyên tắc trên cơ sở kế thừa 05 nguyên tắc của Pháp lệnh 34, đồng thời bổ sung 01 nguyên tắc và một số nội dung trong nguyên tắc của pháp lệnh 34 như: vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động; tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở; tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

2. Phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở là tại nơi cư trú, tại nơi làm việc, cụ thể:

- Mọi công dân thực hiện dân chủ tại xã, phường tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú.

- Công dân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi mình công tác. Trường hợp cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định.

- Công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động. Trường hợp tổ chức có sử dụng lao động có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại điều lệ, nội quy, quy định, quy chế của tổ chức có sử dụng lao động và pháp luật có liên quan.

3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định cụ thể 4 quyền và 5 nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Luật năm 2022 cũng quy định thêm Quyền thụ hưởng của công dân, cụ thể:

- Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

- Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

- Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã kế thừa các hành vi bị nghiêm cấm trong Pháp lệnh 34, đồng thời bổ sung thêm một số hành vi bị nghiêm cấm như:

- Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

5. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã quy định cụ thể việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở sẽ bị xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật.

6. Về công khai thông tin ở xã, phường

So với Pháp lệnh 34 thì Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường bổ sung thêm một số nội dung phải công khai thông tin cho phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin như:

- Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cấp xã.

- Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

- Kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã;

- Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương cấp xã;

- Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn cấp xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn cấp xã;

- Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn cấp xã.

7. Hình thức công khai thông tin

Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngoài việc kế thừa 03 hình thức công khai thông tin như Pháp lệnh 34, còn bổ sung thêm 07 hình thức công khai thông tin như: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã; Gửi văn bản đến công dân; Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức

phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở; Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố; Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường.

8. Thời điểm công khai thông tin

Theo Pháp lệnh 34 thì thời hạn mà chính quyền cấp xã phải công khai thông tin là chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên. Luật Thực hiện dân chủ cơ sở đã kéo dài thời điểm công khai thông tin từ 02 ngày lên 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai.

Thời gian niêm yết công khai thông tin Pháp lệnh 34 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đều quy định là ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Luật còn quy định thời gian công khai trong một số trường hợp như:

- Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức... Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thực hiện phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật khi có sự thay đổi.

- Việc Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã (nếu có) trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục.

9. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở kế thừa 03 nội dung của Pháp lệnh 34 và bổ sung thêm 03 nội dung nhân dân bàn và quyết định liên quan đến các khoản đóng góp của nhân dân, các công việc nội bộ của cộng đồng dân cư, cụ thể như 6 nội dung nhân dân bàn và quyết định gồm:

- Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

- Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

- Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

- Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Để thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định, Luật còn bổ sung quy định việc đề xuất nội dung nhân dân bàn và quyết định, theo đó: Chủ tịch UBND xã sau khi thống nhất với Chủ tịch UBNDTTQ Việt Nam cùng cấp quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

10. Hình thức nhân dân bàn và quyết định

Luật năm 2022, ngoài việc kế thừa 02 hình thức nhân dân bàn và quyết định trong Pháp lệnh 34, còn bổ sung thêm hình thức: Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn. Ngoài ra, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở còn bổ sung điều khoản quy định về trình tự, thủ tục họp cộng đồng dân cư, phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

11. Quyết định của cộng đồng dân cư

Luật năm 2022 đã quy định cụ thể nội dung, hình thức của quyết định cộng đồng dân cư.

- Về Hình thức quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

- Về nội dung của quyết định của cộng đồng dân cư gồm :

- + Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;
- + Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt;
- + số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;
- + Nội dung cộng đồng dân cư bàn;
- + Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;
- + Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;
- + Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;
- + Chữ ký của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và 02 đại diện của các hộ gia đình.

12. Hiệu lực của quyết định cộng đồng dân cư

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định có những nội dung cần trên 50% và có những nội dung được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên, cụ thể:

- Đối với nội dung: Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, thì được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, tổ dân phố tán thành.

- Đối với các nội dung còn lại được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư

Luật năm 2022 quy định Quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

- Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

14. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngoài kế thừa 5 nhóm vấn đề của Pháp lệnh 34 còn bổ sung thêm 04 nội dung mới như:

- Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

- Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường (nếu có).

- Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã.

15. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến

Pháp lệnh 34 quy định 03 hình thức để nhân dân tham gia ý kiến như: Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố. Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Thông qua hòm thư góp ý.

Luật năm 2022 bổ sung thêm các hình thức để nhân dân tham gia ý kiến cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ, đó là: Thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã; Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố.

16. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định rõ thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

17. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường

Luật năm 2022 đã quy định cụ thể như sau:

- Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

CHUYÊN ĐỀ: VIỆC THÀNH LẬP BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG; VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

A. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường

Ngày 14/8/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở 2022.

Theo đó, từ ngày 15/8/2023 mỗi xã, phường sẽ thành lập Ban Thanh tra nhân dân theo nội dung sau:

1. Tổ chức thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường

- Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

+ Trên cơ sở đề nghị của Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xem xét, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường; hướng dẫn bầu, bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã phường.

+ Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi, bầu bổ sung làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định 59/2023/NĐ-CP.

- Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường được xác định trên cơ sở tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 thành viên, UBMTTQVN cấp xã quyết định số lượng cụ thể thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường theo nguyên tắc bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố có đại diện tham gia là thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường.

Đối với xã, phường có dưới 05 thôn, tổ dân phố thì được bầu tối đa 05 thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

- Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Số lượng Phó Trưởng ban do UBMTTQVN cấp xã quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường nhưng không quá 02 người.

2. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường

- Xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra:

+ Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 38 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 theo từng quý, 06 tháng, hằng năm và nhiệm kỳ.

Kế hoạch gồm các nội dung cơ bản: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác cho việc thực hiện Kế hoạch hoạt động.

Kế hoạch hoạt động có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

+ Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể để gửi UBMTTQVN, Chủ tịch UBND cấp xã và đối tượng kiểm tra, giám sát khác (nếu có) chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát.

- Phương thức hoạt động của Ban Thanh tra:

+ Tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường.

+ Làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, đối chiếu, tổng hợp thông tin và đánh giá, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

+ Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, xác minh đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chế độ báo cáo của Ban Thanh tra:

Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng năm, nhiệm kỳ, đột xuất khi có yêu cầu hoặc phát sinh.

3. Phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường

- Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Thường xuyên liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Nhân dân để tiếp nhận, phản hồi kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân.

- Giữ mối liên hệ chặt chẽ với HĐND, UBND cấp xã để giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

- HĐND, UBND cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

B. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Nhằm thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, Điều 41, 42, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 có hiệu lực 01/07/2023 quy định về thành lập và tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

1. Về tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào thực tế tại địa phương, Ban Giám sát đầu tư là không cố định mà được thành lập dựa theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Về tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Là công dân thường trú trên địa bàn và không phải là cán bộ, công chức cấp xã. Để đảm bảo khách quan, thành viên phải là người không có người thân, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn cấp xã. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm về thành lập, tổ chức và hoạt động của các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương theo quy định pháp luật.

C. Phát huy vai trò của nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Những nội dung nhân dân kiểm tra, giám sát

Pháp lệnh 34 quy định nhân dân giám sát các nội dung công khai; nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến; những nội dung nhân dân giám sát. Pháp lệnh không đề cập đến việc kiểm tra mà chỉ quy định giám sát.

Luật năm 2022 đã bổ sung nội dung kiểm tra và quy định Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định.

Còn Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát

Ngoài việc kế thừa quy định của Pháp lệnh 34 về Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật, thì Luật năm 2022 còn bổ sung Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua: Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư; Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, ...

3. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân

Đây là quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

Bên cạnh việc quy định trao đổi, đối thoại giữa UBND cấp xã với nhân dân, Luật năm 2022 còn bổ sung định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm,

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị của cộng đồng dân cư.

4. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định 05 nội dung nhân dân tham gia ý kiến. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngoài việc kế thừa các nội dung của Pháp lệnh 34 còn bổ sung thêm một số nội dung Nhân dân tham gia ý kiến như:

- Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

- Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường (nếu có).

- Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã.

5. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

Luật năm 2022 quy định 08 hình thức, trong đó một số hình thức mới như:

- Thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã;

- Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố.

6. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường

Luật Thực hiện dân chủ cơ sở quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, đảng viên trong việc tham gia ý kiến như:

- Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến

và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

7. Ban Thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã bổ sung quy định về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, theo đó:

- Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

- Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

Kết luận: Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng việc bảo đảm và thực thi dân chủ, nỗ lực triển khai nhiều chủ trương, chính sách bảo đảm các quyền dân chủ cho người dân. Trong đó việc quan tâm, coi trọng vai trò kiểm tra, giám sát của người dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân trong thực tiễn.

Đảng ta xác định rất rõ, dân chủ chính là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng, đồng thời cũng là mục tiêu, động lực, yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng của tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Theo tinh thần đó, kể từ Đại hội V, Đảng ta đã luôn đề cao việc thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đến Đại hội XIII, Đảng ta nhận thấy để bảo đảm và thực thi dân chủ một cách hiệu quả và thực chất cần phải quán triệt sâu sắc và kiên trì thực hiện tốt nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, trong đó cần đặc biệt chú trọng việc phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với năng lực, phẩm chất, tinh thần, thái độ, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ nói riêng, cũng như hiệu quả hoạt động của các tổ chức, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở các tỉnh, thành phố, địa phương nói chung.

Việc coi trọng, đề cao vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân là một bước phát triển trong tư duy của Đảng, là sự tiếp nối và khẳng định những nỗ lực không ngừng của Đảng ta trong việc ghi nhận và tăng cường các biện pháp bảo đảm, thực thi dân chủ, hiện thực hóa các quyền dân chủ thật sự cho người dân trong thực tế.

Đến nay, người dân Việt Nam có quyền được biết, được bàn, được tham gia vào những công việc của Nhà nước, kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, sai phạm, khuyết điểm của các tổ chức, cá nhân; phản ánh, tố giác cơ quan chức năng để kịp thời có biện pháp ngăn chặn, xử lý, giúp hạn chế được những tổn thất, thiệt hại cho cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân.

Nhờ đó góp phần nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực, hiệu quả hoạt động của mỗi cán bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị, đóng góp tích cực cho tiến trình phát triển chung của đất nước theo những mục tiêu tốt đẹp đã đặt ra. Coi trọng, tăng cường phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của người dân chính là cách thức hữu hiệu để nâng cao hiệu quả tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng và hoàn thiện đội ngũ cán bộ các cấp có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu tiến trình phát triển đất nước trong bối cảnh mới./.